

# đổ bóng cho văn bản

---

```
đổ bóng cho văn bản
text-shadow: X Y Z;
X là đổ bóng theo chiều ngang
Y là đổ bóng theo chiều dọc
Z là màu đổ bóng
```

```
h1 {
  text-shadow: 3px 6px orange;
}
```

# font-family

---

```
nhóm font : serif , sans-serif
nhóm font bao gồm nhiều font cụ thể
font-family: A, B , C;
A và B thường là 1 font cụ thể
C là nhóm font
quy tắc là những tên font mà nhiều hơn 1 chữ có nghĩa là trong tên font có dấu
cách thì những font này phải đặt trong nháy kép hay nháy đơn
còn font mà tên có 1 chữ không có dấu cách thì không cần dùng "" hay ''
```

ví dụ

```
<p class="p1">Thẻ p1 </p>
<p class="p2">Thẻ p2 </p>
<p class="p3">Thẻ p3 </p>
```

CSS

```
.p1,.p2,.p3 {
  font-size: 32px;
}

.p1 {
  font-family: "Times New Roman", Times, serif;
}

.p2 {
  font-family: Arial, Helvetica, sans-serif;
```

```
}

.p3 {
  font-family: "Lucida Console", "Courier New", monospace;
}
```

## google font

---

<https://fonts.google.com/>

---

thêm google font vào trang web

```
<link rel="preconnect" href="https://fonts.googleapis.com">
<link rel="preconnect" href="https://fonts.gstatic.com" crossorigin>
<link href="https://fonts.googleapis.com/css2?
family=Open+Sans&family=Roboto:ital@1&display=swap" rel="stylesheet">
```

CSS

```
.p1,.p2,.p3 {
  font-size: 32px;
}

.p1 {
  font-family: 'Open Sans', sans-serif;
}

.p2 {
  font-family: 'Roboto', sans-serif;
}

.p3 {
  font-family: 'Roboto', sans-serif;
}
```

## webfont self host

---

```
/* khai báo tên và đường dẫn của web font */
@font-face {
  /* dòng khai báo tên */
  /* CTRL + SHIFT + / */
  font-family: Roboto;
  /* dòng khai báo nguồn file font */
  src: url("Roboto/Roboto-Regular.ttf");
}
```

```
}

.p1,.p2,.p3 {
    font-size: 32px;
}

.p1 {
    font-family: 'Roboto', sans-serif;
}
.p2 {
    font-family: 'Roboto', sans-serif;
}

.p3 {
    font-family: 'Roboto', sans-serif;
}
```

Webfont dạng trực tiếp :  
[https://www.w3schools.com/css/css3\\_fonts.asp](https://www.w3schools.com/css/css3_fonts.asp)

---

## icon font

---

```
<script src="a076d05399.js"></script>

<style>
    i {
        font-size:24px;
    }
</style>

<h1>Font Icon</h1>

<i class="fa-brands fa-youtube"></i>

<i class="fas fa-cloud"></i>
<i class="fas fa-heart"></i>
<i class="fas fa-car"></i>
```

## 4 trạng thái thẻ a

---

```
<pre>
4 trạng thái thẻ a
1 - a:link trạng thái bình thường ban đầu
2 - a:visited trạng thái đã được click vào rồi
```

```
3 - a:hover di chuột vào
4 - a:active ( đang click vào rất ngắn )
</pre>
<nav>
  <ul>
    <li><a href="home.html">Trang chủ</a></li>
    <li><a href="product.html">Sản phẩm</a></li>
    <li><a href="service.html">Dịch vụ</a></li>
    <li><a href="contact.html">Liên hệ</a></li>
  </ul>
</nav>
```

## CSS

```
nav a {
  text-decoration: none;
}

nav a:link {
  color: violet;
}

nav a:hover {
  color: orange;
}

nav a:visited {
  color: black;
}

nav a:active {
  color: red;
}
```

## css cho thẻ ul ol

---

```
ul, ol {
  list-style: none;
  margin: 0;
  padding: 0;
}
```

## Block & Inline

---

```

<pre>
  Block ( Khối ) h1 - h6 , div , section ...
  Inline ( hàng ) span , a , img ...
  Xem cụ thể : https://www.w3schools.com/html/html_blocks.asp

  nhóm block chiếm 100% độ rộng sẵn có của thẻ cha và luôn xuống hàng mới
  nhóm inline chỉ chiếm độ rộng tương ứng với nội dung của nó và nằm trên cùng 1
hàng
</pre>

<ul>
  <li>Trang chủ</li>
  <li>Sản phẩm</li>
  <li>Liên hệ</li>
</ul>

<a href="">Lazada</a>
<a href="">Shopee</a>
<a href="">Tiki</a>

```

## CSS

```

ul {
  padding: 0;
  margin: 0;
  list-style: none;
}

li {
  background-color: green;
}

a {
  background-color: yellow;
}

```

## css display

---

```

  Block ( Khối ) h1 - h6 , div , section ...
  Inline ( hàng ) span , a , img ...
  Xem cụ thể : https://www.w3schools.com/html/html_blocks.asp

  nhóm block chiếm 100% độ rộng sẵn có của thẻ cha và luôn xuống hàng mới
  nhóm inline chỉ chiếm độ rộng tương ứng với nội dung của nó và nằm trên
cùng 1 hàng

```

```
<ul>
  <li>Trang chủ</li>
  <li>Sản phẩm</li>
  <li>Liên hệ</li>
</ul>

<a href="">Lazada</a>
<a href="">Shopee</a>
<a href="">Tiki</a>
```

## CSS

```
ul {
  padding: 0;
  margin: 0;
  list-style: none;
}

li {
  background-color: green;
  display: inline;
}

a {
  background-color: yellow;
  display: block;
}
```

## display:none không hiển thị

---

```
ul {
  padding: 0;
  margin: 0;
  list-style: none;
}

li {
  background-color: green;
  display: none;
}

a {
  background-color: yellow;
  display: none;
}
```

# Thuộc tính position ( vị trí )

---

Thuộc tính position sẽ có 5 giá trị

- 1 - static ( tĩnh và là giá trị mặc định ) phụ thuộc vào display là inline hay block và phụ thuộc vào box model margin padding ...
- 2 - relative ( tương đối )
- 3 - absolute ( tuyệt đối )
- 4 - fixed ( cố định )
- 5 - sticky ( trạng thái lai giữa relative và fixed )

Thuộc tính position thì thường đi kèm với thuộc tính sau

top

left

right

bottom

hiểu đơn giản 4 thuộc tính trên dùng để đặt vị trí tọa độ

## HTML

```
<div class="target1">
  Box 1
</div>

<div class="target2">
  Box 2
</div>

<div class="target3">
  Box 3
</div>

<div class="target4">
  Box 4
</div>

<div class="target5">
  Box 5
</div>
```

## CSS

```
* {
  margin: 0;
  padding: 0;
  box-sizing: border-box;
}
```

```
.target1 {
  width: 100px;
  height: 100px;
  background-color: orange;
  position: absolute;
  bottom: 0;
  right: 0;
}

.target2 {
  width: 100px;
  height: 100px;
  background-color: red;
  position: absolute;
  bottom: 0;
  left: 0;
}

.target3 {
  width: 100px;
  height: 100px;
  background-color: violet;
  position: absolute;
  top: 0;
  right: 0;
}

.target4 {
  width: 100px;
  height: 100px;
  background-color: olive;
  position: absolute;
  top: 0;
  left: 30px;
}

.target5 {
  width: 100px;
  height: 100px;
  background-color: olivedrab;
  position: absolute;
  top: 50%;
  left: 50%;
}
```

Chú ý là relative sẽ di chuyển so với vị trí ban đầu của nó. và lấy vị trí ban đầu của nó là gốc tọa độ

---



```
<div class="target1">  
  Relative  
</div>
```

## CSS

```
<style>  
  * {  
    padding: 0;  
    margin: 0;  
    box-sizing: border-box;  
  }  
  .target1 {  
    width: 100px;  
    height: 100px;  
    background-color: olive;  
    position: relative;  
    top: 100px;  
    left: 200px;  
  }  
</style>
```

# Absolute 1

---

Absolute có 2 trường hợp chú ý :

- 1 - thẻ absolute nằm trong thẻ body hoặc các thẻ cha của thẻ absolute đều có position là static
- 2 - thẻ absolute nằm trong 1 thẻ có position là relative thì nó sẽ lấy thẻ cha làm gốc tọa độ

## CSS

```
<style>  
  * {  
    padding: 0;  
    margin: 0;  
    box-sizing: border-box;  
  }  
  .parent {  
    width: 200px;  
    height: 200px;  
    background-color: orange;  
  }  
  .child {  
    width: 100px;
```

```
        height: 100px;
        background-color: olive;
        position: absolute;
        top: 20px;
        left: 30px;
    }
</style>

<div class="parent">
    <div class="child">Thẻ con</div>
</div>
```

## Absolute 2

---

Absolute có 2 trường hợp chú ý :

- 1 - thẻ absolute nằm trong thẻ body hoặc các thẻ cha của thẻ absolute đều có position là static
- 2 - thẻ absolute nằm trong 1 thẻ có position là relative thì nó sẽ lấy thẻ cha làm gốc tọa độ

```
<style>
    * {
        padding: 0;
        margin: 0;
        box-sizing: border-box;
    }
    .parent {
        width: 200px;
        height: 200px;
        background-color: orange;
        position: relative;
    }
    .child {
        width: 100px;
        height: 100px;
        background-color: olive;
        position: absolute;
        top: 20px;
        left: 30px;
    }
</style>
```

### HTML

```
<div class="parent">
    <div class="child">Thẻ con</div>
```

```
</div>
```

tham khảo <https://developer.mozilla.org/en-US/docs/Web/CSS/position>

---

`position:fixed;`

---

```
<style>
  * {
    padding: 0;
    margin: 0;
    box-sizing: border-box;
  }
  body {
    height:1200px;
  }
  .target {
    height: 60px;
    color: white;
    width: 100%;
    font-size: 14px;
    background-color: orange;

    position: fixed;
    top: 0;
    left: 0;
  }
</style>
```